TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 951/2019/LĐ-PT
Ngày: 28/10/2019
V/v tranh chấp về đơn phương chấm dứt Hợp đồng lao động

N DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Liên

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
Bà Lê Thị Hoàng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Tiến Thịnh, Thư ký Tòa án N dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát N dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Tôn Mạnh Hùng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28/10/2019 tại trụ sở Tòa án N dân Thành phố Hồ Chí Minh số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2019/TLPT-LĐ ngày 28/5/2019 về "*Tranh chấp về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động"* Do bản án lao động sơ thẩm số 12/2019/LĐ-ST ngày 09/4/2019 Tòa án N dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4270/QĐPT-LĐ ngày 17/9/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Đăng V**.
Địa chỉ: V, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Quốc T**.
Địa chỉ: số T, Phường A1, Quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh.
Văn bản ủy quyền số 013935 quyển số 9 Thành phố Hồ Chí Minh/CC-SCC/HĐGD ngày 21/9/2016 tại Văn phòng công chứng P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH N**

Trụ sở: N, Phường A2, Quận B2, TP. Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Quốc D.
Địa chỉ: D, phường A3, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các bản khai và tại phiên tòa ông Nguyễn Quốc T đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Đăng V trình bày:

Tháng 3/2016, ông V được ông Trương T N là người đại diện theo pháp luật của bị đơn trực tiếp tuyển dụng vào làm việc tại Nhà hàng phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh với thỏa thuận miệng loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn, không qua thời gian thử việc, công việc làm là Bếp trưởng, làm theo ca (ca sáng từ 10 giờ đến 14 giờ, ca chiều từ 16 giờ đến 22 giờ) mức lương 12.000.000đ/tháng được trả bằng tiền mặt một lần vào ngày 5 dương lịch hàng tháng. Sau đó ông V có yêu cầu ký hợp đồng lao động nhưng bị đơn không ký. Ông V tự học nghề bếp không có chứng chỉ đầu bếp. Ông V đã nhận lương đến tháng 8/2016 và lương từ ngày 01 đến ngày 06/9/2016.

Đến khoảng cuối tháng 8/2016, người đại diện pháp luật của bị đơn (gọi là giám đốc) cho biết sẽ ngưng hoạt động nhà hàng và ngày 01/9/2016 đã thông báo miệng cho nguyên đơn nghỉ việc. Nguyên đơn không đồng ý nên sau đó vẫn đến làm việc và liên lạc để giám đốc giải quyết quyền lợi nhưng không được do nhà hàng đóng cửa, ngưng hoạt động cho đến nay.

Vì bị đơn không ký hợp đồng lao động nên ông Nguyễn Cao T là người quản lý điều hành nhà hàng trong thời gian ông V làm việc có ký văn bản ngày 01/8/2016 xác nhận nguyên đơn là bếp chính tại nhà hàng từ ngày 01/3/2016, ông T đã nghỉ việc từ ngày 09/8/2016 vì xảy ra tranh chấp và cùng khởi kiện bị đơn tại Tòa án Quận 1.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu: Tuyên bố ông V bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Buộc bị đơn phải thanh toán tiền lương những ngày không được làm việc tính từ ngày 07/9/2016 đến ngày 31/3/2019 số tiền là 360.000.000đ; bồi thường 02 tháng tiền lương. 24.000.000đ; bồi thường 18.000.000đ do vi phạm thời hạn báo trước và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho nguyên đơn theo quy định.

Bà Trần Thị Kim H là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Công ty TNHH N(gọi tắt là công ty) thành lập năm 2014 hoạt động chủ yếu là kinh doanh dịch vụ ăn uống do ông Trương T N làm chủ kiêm đại diện pháp luật. Vào tháng 01/2015, ông N hợp tác cùng ông Nguyễn Cao Tphát triển dự án nhà hàng phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông N bỏ toàn bộ vốn đầu tư kinh doanh còn ông T sẽ chịu trách nhiệm tuyển dụng quản lý toàn bộ hồ sơ sổ sách thu chi và điều hành hoạt động kinh doanh của Nhà hàng. Do tính chất công việc nên công ty thường tuyển dụng công việc làm theo thời vụ, trường hợp làm việc trên 12 tháng mới ký hợp đồng lao động.

Tháng 8/2016 giữa hai ông phát sinh mâu thuẫn, ông T tự ý bỏ việc tại nhà hàng, không bàn giao lại hồ sơ N sự, kế toán …làm cho công ty rơi vào tình trạng khó khăn. Công ty phải thanh toán nợ cho các nhà cung cấp, trả tiền lương cho N viên. Sau đó, ông T và một số người khác làm việc tại bộ phận bếp trong đó có nguyên đơn đều khởi kiện công ty tại Tòa án Quận 1.

Trước đó công ty không nhận được bất cứ đề xuất nào về việc ký hợp đồng lao động với nguyên đơn, khi tiếp nhận lại nhà hàng công ty không biết nguyên đơn bắt đầu làm việc từ thời điểm nào. Cuối tháng 8/2016 công ty thông báo đóng cửa nhà hàng và sẽ sắp xếp cho N viên chuyển qua nhà hàng N Sushi Quận D tiếp tục làm việc. Tuy nhiên phía nguyên đơn không đồng ý làm việc ở nơi khác theo sự sắp xếp của công ty nên đã nhận đủ lương đến ngày 06/9/2016 và ký tên đồng ý nghỉ việc tại "bảng chấm công từ ngày 01/9/2016 đến ngày 09/9/2016 " Nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ như : giấy xác nhận ngày 01/8/2016 của ông T xác nhận nguyên đơn có làm việc tại bộ phận bếp từ ngày 01/3/2016 nhưng thời điểm ký xác nhận giữa ông T và công ty đã phát sinh mâu thuẫn nên không khách quan, không có dấu mộc của công ty nên không có giá trị pháp lý; các tài liệu chứng cứ khác liên quan đến ông T đang được xem xét tính pháp lý trong vụ kiện của ông T nên không thể xem là chứng cứ hay tài liệu cần tham chiếu. Thực tế, nguyên đơn và công ty đã thỏa thuận nghỉ việc theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Lao động, tuy nhiên sau đó bị xúi giục nên nguyên đơn sử dụng các giấy tờ do ông T và bà Trần Thị Phú M cung cấp và cùng những người khác khởi kiện nhằm gây sức ép cho công ty là hành vi thiếu trung thực, đi ngược lại đạo đức và thỏa thuận giữa các bên. Do vậy, công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bà Ngô Thị Kim T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày thống nhất với nội dung trình bày của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát N dân Quận 1 phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: đã thực hiện đúng đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn không ký hợp đồng lao động nhưng trên thực tế bị đơn thừa nhận nguyên đơn có làm việc tại nhà hàng của bị đơn. Thời gian làm việc của nguyên đơn từ tháng 4/2016 đến ngày 06/9/2016 nên được xác định là hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn dưới 12 tháng theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Bộ luật lao động năm 2012. Do việc kinh doanh gặp khó khăn nên ngày 01/9/2016 bị đơn đã thông báo cho nguyên đơn và một số người lao động khác thôi việc, việc chấm dứt thể hiện tại "Bảng chấm công từ 01/9 – 06/9" theo đó nguyên đơn đã ký nhận lương và đồng ý nghỉ việc, chấm dứt hợp đồng lao động với bị đơn. Việc chấm dứt hợp đồng lao động giữa hai bên là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động quy định việc chấm dứt hợp đồng lao động dựa trên sự thỏa thuận tự nguyện giữa các bên. Nguyên đơn đã nhận đủ tiền lương trong suốt thời gian làm việc tại công ty. Do bị đơn chấm dứt hợp đồng lao động đúng quy định của pháp luật nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu tòa án tuyên bố bị đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật và đề nghị thanh toán và bồi thường là không có cơ sở để xem xét chấp nhận. Đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn phải nhận nguyên đơn trở lại là việc.

Quyết định của bản án sơ thẩm:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 22, khoản 3 Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 38, Điều 201 Bộ luật Lao động:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đăng V yêu cầu tuyên bố Công ty TNHH N đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật, buộc thanh toán 360.000.000đ tiền lương những ngày không được làm việc; bồi thường 2 tháng tiền lương 24.000.000đ; 18.000.000đ do vi phạm thời gian báo trước và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đăng V về việc yêu cầu Công ty TNHH N phải nhận trở lại làm việc.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự

Ngày 19/4/2019 ông Phạm Đăng V nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Nguyễn Quốc T đại diện cho nguyên đơn trình bày: Ông Phạm Đăng V khai, ông làm việc tại công ty N từ tháng 3/2016, lương 12.000.000đ/tháng, lãnh lương hàng tháng, Ngày 1/9/2016 ông Trương T N thông báo miệng cho một số N viên trong nhà hàng nghỉ việc nhưng không nêu lý do, đến ngày 6/9/2016 trả 6 ngày lương và đóng của nhà hàng. Ông V có nhận 06 ngày lương nhưng không đồng ý nghỉ việc vì ông dự định làm tại đây dài hạn, ông đến làm việc nhưng nhà hàng đã đóng cửa. Theo ông, công ty N cho nhiều người nghỉ việc phải có thông báo bằng văn bản và phải có thông báo cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố trước khi cho nhiều người nghỉ việc nhưng công ty không thực hiện việc này, trong quá trình lao động công ty không đóng bảo hiểm xã hội cho ông V. Ông V cho là công ty N đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật nên phải bồi thường cho ông V số tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông V.

Bị đơn Công ty N vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát N dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quá trình tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nộp đúng hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Án sơ thẩm xử có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Đăng V; Giữ nguyên như bản án sơ thẩm đã tuyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Phạm Đăng V nộp trong thời hạn luật định, thực hiện theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N (gọi tắt là công ty N) vắng mặt. Tòa án đã niêm yết giấy triệu tập tham gia xét xử vào ngày 18/9/2019 và ngày 09/10/2019 để thông báo ngày giờ xử cho bị đơn nhưng đã hai lần phía bị đơn không có mặt; căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Phạm Đăng V Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy

Nguyên đơn và Bị đơn đều thừa nhận thời gian nguyên đơn làm việc tại Nhà hàng Ichi phường C, Quận D thuộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N do ông Nguyễn Cao T quản lý, điều hành. Vào thời điểm cuối tháng 8/2016, bị đơn thông báo sẽ tạm ngừng hoạt động nhà hàng và sắp xếp chuyển nguyên đơn và một số người lao động khác sang làm việc tại Nhà hàng N Sushi Quận D nhưng nguyên đơn không đồng ý, nguyên đơn đã nhận đủ tiền lương đến tháng 8/2016 và ký nhận tiền lương từ ngày 01/9 đến ngày 06/9/2016 theo sự thừa nhận của nguyên đơn và bảng chấm công do bị đơn cung cấp nguyên đơn khai đã nhận đủ tiền lương đến ngày 06/9/2016.

Việc nguyên đơn cho rằng mình bắt đầu làm việc từ tháng 3/2016 và được người giám đốc điều hành của bị đơn là ông Nguyễn Cao T trực tiếp tuyển dụng, không ký hợp đồng lao động nhưng có thoả thuận miệng loại hợp đồng không xác định thời hạn nhưng không được bị đơn thừa nhận là hợp đồng không xác định thời hạn mà chỉ là hợp đồng theo thời vụ có thời hạn dưới 12 tháng. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy giống như nhận định của án sơ thẩm thì "Giấy xác nhận ngày 01/8/2016" của ông Nguyễn Cao T (giám đốc điều hành) xác nhận nguyên đơn đã làm việc tại công ty từ ngày 01/3/2016 nhưng nội dung xác nhận này không thể hiện loại hợp đồng giao kết giữa hai bên. Hơn nữa, căn cứ các chứng cứ là bảng lương, bảng chấm công từ 01/9 – 06/9/2016 do hai bên xuất trình chỉ thể hiện nguyên đơn được trả lương từ tháng 4/2016 đến ngày 06/9/2016 nên không đủ cơ sở để xác định loại hợp đồng lao động xác lập là không xác định thời hạn theo như ý kiến trình bày của nguyên đơn.

Căn cứ văn bản "Bảng chấm công từ ngày 01/9/- 06/9" do bị đơn xuất trình có nội dung: "*Toàn thể N viên đồng ý nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động với công ty N. Đã ký tên xác nhận*" để bị đơn chứng minh có sự thỏa thuận đồng ý nhận lương 6 ngày và nghỉ việc luôn kết thúc hợp đồng lao động giữa hai bên. Nguyên đơn thừa nhận có ký tên nhưng cho rằng chỉ ký tên nhận tiền lương trong các ngày làm việc từ ngày 01 đến ngày 06/9/2016 chứ không thoả thuận đồng ý nghỉ việc. Nguyên đơn không trả lời được lý do tại sao chỉ nhận 6 ngày lương trong tháng 9/2016 trong khi các tháng trước đó đều ký nhận là 1 tháng

tiền lương. Nguyên đơn cho nội dung toàn thể N viên đồng ý nghỉ việc và chấm dứt hợp đồng lao động do bị đơn in thêm vào văn bản này sau khi mọi người đã ký tên, đóng dấu nhưng nguyên đơn không yêu cầu Toà án trưng cầu giám định nội dung này. Xét thấy nguyên đơn không yêu cầu giám định nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét xác định là đánh máy sau sau khi các người lao động đã ký tên nhận lương từ ngày 01 đến ngày 06/9/2016 và đồng ý nghỉ việc vì công ty gặp khó khăn phải ngưng hoạt động tại Nhà hàng này. Mặt khác, nguyên đơn xác nhận bị đơn có thông báo và thực tế bị đơn đã ngừng hoạt động nhà hàng Ichi - Sushi từ cuối tháng 8/2016 nên việc bị đơn cho rằng đã gặp khó khăn trong kinh doanh buộc phải đóng cửa ngưng kinh doanh nhà hàng này là có cơ sở.

Ngoài ra, theo giấy xác nhận số 608780/16 ngày 09/09/2016 của Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận Công ty N đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 25/9/2016 đến ngày 24/9/2017 nên có cơ sở xác định công ty N tạm ngừng kinh doanh từ tháng 9/2016.

Ngày 01/9/2016, bị đơn thông báo cho nguyên đơn và một số người lao động khác nghỉ việc, đến ngày 06/9/2016 nguyên đơn đã được nhận đủ tiền lương. Do hợp đồng lao động của nguyên đơn là hợp đồng thời vụ dưới 12 tháng nên thời hạn bị đơn thông báo cho người lao động nghỉ việc ít nhất 03 (ba) ngày làm việc là phù hợp quy định theo điểm c khoản 1 Điều 22, điểm c khoản 2 Điều 38 Bộ luật Lao động.

Theo bảng chấm công thì nguyên đơn và bị đơn đã thoả thuận chấm dứt lao động thể hiện tại "Bảng chấm công từ 01/9 – 06/9" là dựa trên sự tự nguyện của hai bên phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật lao động. Do đó, việc nguyên đơn cho rằng bị đơn đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với nguyên đơn là không có cơ sở để xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Án sơ thẩm nhận định và quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng nên Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí lao động sơ thẩm: án sơ thẩm tuyên nguyên đơn được miễn nộp án phí lao động sơ thẩm là đúng quy định của luật nên được giữ nguyên.

Về án phí lao động phúc thẩm: Nguyên đơn - ông Phạm Đăng V được miễn nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 22, khoản 3 Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 38, Điều 201 Bộ luật Lao động;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí,

Luật Thi hành án dân sự năm 2008 có hiệu lực ngày 01/7/2009.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đăng V yêu cầu tuyên bố Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N đơn phương chấm dứt hợp động lao động trái pháp luật; buộc phải thanh toán 360.000.000 đồng tiền lương trong những ngày không được làm việc; bồi thường 02 tháng tiền lương 24.000.000 đồng, 18.000.000 đồng do vi phạm thời hạn báo trước và đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Đăng V về việc yêu cầu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ N phải nhận trở lại làm việc.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Phạm Đăng V được miễn nộp.

Về án phí lao động phúc thẩm: Ông Phạm Đăng V được miễn nộp.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án N dân tối cao;
- Tòa án N dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát N dân cấp cao (Tại Tp.HCM);
- Viện kiểm sát N dân Tp.HCM;
- Thi hành án dân sự Quận 1;
- Tòa án N dân Quận 1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Liên